

Số: 14/2023/QĐST-HNGĐ

Quận H, ngày 06 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số **654/2022/TLST-HNGĐ** ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc: ***Tranh chấp ly hôn*** giữa:

- ***Nguyên đơn***: Ông **Bùi Duy L** – sinh năm 1983; HKTT và nơi ở: P.806, CT1, chung cư số 45 phố N, phường N, quận L, thành phố H.

- ***Bị đơn***: Bà **Nguyễn Thị Kim N** – sinh năm 1986; HKTT và nơi ở: Số 129C phố Y, phường V, quận H, thành phố H.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Bùi Duy L** và bà **Nguyễn Thị Kim N**.

Giấy chứng nhận kết hôn số **55/2012**, quyển số 02/2010 ngày 10/11/2012 do UBND phường L, quận H, thành phố H cấp cho ông **Bùi Duy L** và bà **Nguyễn Thị**

Kim N không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Xác nhận ông Bùi Duy L và bà Nguyễn Thị Kim N có 02 (hai) con chung là **Bùi Nguyễn Duy M** – sinh ngày 14/7/2014 (Nam) và **Bùi Nguyễn Thiện M** – sinh ngày 07/6/2018 (Nam). Sau khi ly hôn, bà N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho bà N số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*)/tháng/02 con, tức 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*)/ tháng/ con, kể từ tháng 01/2023 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông L được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở

2.2. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Các đương sự xác nhận không vay nợ chung của ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Ông Bùi Duy L tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0013015 ngày 17/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Nay ông L được hoàn lại số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường L, quận H, TP H (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

THẨM PHÁN

Đặng Hoàng P